

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiến Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Dung; Bà Nguyễn Thị Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 3 thôn Đại Lại, xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn G - Sinh năm 1990.

ĐKHKT: Thôn Thụy Nội, xã Yên Lương, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 33 phân trại số 4 trại giam Ninh Khánh, xã Quảng Lạc, huyện Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị chung sống với anh Phạm Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lương huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 23/12/2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến năm 2015 anh G có mâu thuẫn với người ngoài dẫn đến xô xát và gây chết người

hiện đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh tỉnh Ninh Bình. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh G nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là cháu Phạm Anh P, sinh ngày 25/11/2011. Chị xin được trực tiếp nuôi cháu P, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16/6/2021 anh Phạm Văn G trình bày: Anh chung sống với chị Phạm Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lương huyện Ý Yên vào năm 2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Năm 2015 anh bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định kết án 17 năm tù vì tội "Giết người" hiện đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh tỉnh Ninh Bình nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh P, sinh ngày 25/11/2011. Anh đồng ý để chị T nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do các đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn G, đề nghị giải quyết về con chung; về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy

định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt với những lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn G được xác lập vào ngày 23/12/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lương huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Năm 2015 anh G bị kết án 17 năm tù về tội giết người và phải đi chấp hành án, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị T và anh G đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay; chị T xin ly hôn, anh G cũng nhất trí. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Anh P, sinh ngày 25/11/2011. Cháu P đang sống cùng chị T và có đơn xin được ở với mẹ. Anh G cũng nhất trí để cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Anh P cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh G có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh G không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn G.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh P, sinh ngày 25/11/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở, quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị T phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001754, ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Tiến Mãn**